TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **68**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 618/2025/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh N V Q**, sinh ngày 20/6/1991;

Căn cước công dân số: 001091002957;

Địa chỉ: Số 53 Nguyễn Khắc Nhu, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị T L A**, sinh ngày 17/01/1992;

Căn cước công dân số: 001192031973;

Địa chỉ: Số 6/78/1 phố Bồ Đề, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N V Q và chị T L A.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh N V Q và chị T L A, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh N V Q và chị T L A có 02 con chung là cháu N H B N, sinh ngày 01/6/2017 và cháu N H B T, sinh ngày 06/11/2019. Chị T L A tiếp tục trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung, anh N V Q tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị A là 10.000.000 đồng/tháng cho hai con chung (5.000.000 đồng/01 con/tháng) kể từ tháng 01/2026 đến khi cháu N, cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Q và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0020194 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án KV5;
-UBND phường B, thành phố Hà Nội (GCNKH số 06/2017 của UBND phường N, quận B cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.